

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	112230500	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	K14KTR1	0		0						V	0.0	Không		
2	122230543	NGUYỄN THÁI BÁ	K14KTR1	3		2						V	0.0	Không		
3	122230592	LÊ NGỌC KHÁNH	K14KTR1	2		1						HP	0.0	Không	NỢ HP	
4	132234818	PHAN ANH ĐÀO	K14KTR1	4		4						5	4.6	Bốn phẩy Sáu		
5	132234893	NGUYỄN QUANG SÁNG	K14KTR1	8		6.5						7	7.0	Bảy		
6	132234899	HOÀNG CHIẾN THẮNG	K14KTR1	7		6.5						4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
7	132234933	TRỊNH HỒNG TUẤN	K14KTR1	5		6.5						6	6.0	Sáu		
8	142231377	KIỀU HUỖNH HẠNH CHÂU	K14KTR1	5		6						V	0.0	Không		
9	142231379	NGUYỄN VĂN CHÍNH	K14KTR1	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
10	142231384	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K14KTR1	8		6.5						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
11	142231389	HOÀNG QUANG DƯƠNG	K14KTR1	5		6						5.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
12	142231391	LÊ TÚ LINH GIANG	K14KTR1	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
13	142231396	NGUYỄN MẬU HOÀNG	K14KTR1	6		6						6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
14	142231398	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	K14KTR1	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
15	142231400	NGUYỄN ĐÌNH HUY	K14KTR1	4		4						3	0.0	Không		
16	142231405	ĐÌNH NGỌC LAM	K14KTR1	8		7.5						7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
17	142231406	PHAN THỊ MỸ LINH	K14KTR1	7		6.5						8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
18	142231414	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	K14KTR1	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
19	142231417	NGUYỄN CÔNG NGÀ	K14KTR1	6		5						6.5	6.0	Sáu		
20	142231421	HỒ THỊ TUYẾT NHI	K14KTR1	9		7.5						8	8.0	Tám		
21	142231425	THÂN TRỌNG PHONG	K14KTR1	8		7.5						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
22	142231431	NGÔ QUANG TÂM	K14KTR1	9		7						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
23	142231434	NGUYỄN QUANG THÁI	K14KTR1	8		6.5						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
24	142231440	NGUYỄN THANH THIÊN	K14KTR1	4		4						3	0.0	Không		
25	142231442	NGUYỄN KIM THỊNH	K14KTR1	6		5						6.5	6.0	Sáu		
26	142231448	HOÀNG TRỊ	K14KTR1	8		8						5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
27	142231451	NGUYỄN ĐỨC ANH TRUNG	K14KTR1	8		8						4	5.8	Năm phẩy Tám		
28	142234502	NGUYỄN VĂN QUỐC ÂN	K14KTR1	6		8						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
29	142234511	HUỖNH CÔNG KHÁNH	K14KTR1	8		8						6	6.9	Sáu phẩy Chín		
30	142234512	LÊ HOÀNG LONG	K14KTR1	6		6						V	0.0	Không		
31	142234513	ĐẶNG VŨ BÁ MINH	K14KTR1	10		8						7	7.8	Bảy phẩy Tám		
32	142234518	PHAN VĂN THÁI TRUNG	K14KTR1	5		5						5	5.0	Năm		
33	142234540	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	K14KTR1	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
34	142234550	NGUYỄN NGỌC TUẤN	K14KTR1	8		8						8	8.0	Tám		
35	142234582	HOÀNG HẢI	K14KTR1	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín		

Thời gian : 27/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
36	142234585	PHẠM QUANG	HUY	K14KTR1	8		5						4	4.9	Bốn phẩy Chín	
37	142234598	NGUYỄN THỊ	THU	K14KTR1	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm	
38	142234867	MAI THỊ HỒNG	QUYÊN	K14KTR1	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
39	112260530	DƯƠNG QUANG	HUY	K14KTR2	3		2						0	0.0	Không	
40	132234807	PHAN NGUYỄN	ANH	K14KTR2	6		6.5						7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
41	132234824	PHẠM XUÂN	ĐỨC	K14KTR2	6		6.5						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
42	132234841	VÕ VĂN	HẠNH	K14KTR2	6		5						6	5.7	Năm phẩy Bảy	
43	132234884	CHU VĂN	PHƯỚC	K14KTR2	6		7						5	5.8	Năm phẩy Tám	
44	132234946	KIỀU XUÂN	CƯỜNG	K14KTR2	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
45	142231376	HUỲNH VŨ	CA	K14KTR2	7		6.5						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
46	142231378	TRẦN THỊ QUỲNH	CHÂU	K14KTR2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
47	142231385	TRẦN PHAN MINH	ĐỨC	K14KTR2	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba	
48	142231402	NGUYỄN HOÀNG LONG	KHÁNH	K14KTR2	3		4						3	0.0	Không	
49	142231409	BÙI ĐÌNH	LỢI	K14KTR2	5		5						3	0.0	Không	
50	142231412	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	K14KTR2	7		7.5						8.5	8.0	Tám	
51	142231415	NGUYỄN TRỌNG THÀNH NAM		K14KTR2	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
52	142231419	TRẦN XUÂN	NGHĨA	K14KTR2	5		5.5						3.5	0.0	Không	
53	142231420	HOÀNG NGỌC TUẤN	NHÂN	K14KTR2	7		7.5						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
54	142231432	NGUYỄN NHẬT	TÂN	K14KTR2	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
55	142231444	TRẦN CÔNG	THỦ	K14KTR2	9		8.5						9	8.9	Tám phẩy Chín	
56	142231446	TRƯƠNG LÊ	TOÀN	K14KTR2	7		5.5						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
57	142231452	NGUYỄN HIỀN	TRUNG	K14KTR2	5		7.5						4	5.2	Năm phẩy Hai	
58	142231455	LÊ NGỌC	TUẤN	K14KTR2	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
59	142231457	BÙI SƠN	TÙNG	K14KTR2	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
60	142231460	PHAN PHƯỚC	TƯỜNG	K14KTR2	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
61	142231471	VÕ ĐẠI	VINH	K14KTR2	6		6						6	6.0	Sáu	
62	142233206	PHAN NGỌC TÚ	QUỲNH	K14KTR2	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
63	142234504	NGUYỄN ĐỨC	CÔNG	K14KTR2	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm	
64	142234505	HUỲNH THỊ	DIỄM	K14KTR2	8.5		8.5						8	8.2	Tám phẩy Hai	
65	142234506	PHAN THÁI	DƯƠNG	K14KTR2	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
66	142234509	TRẦN THỊ KIM	HƯỜNG	K14KTR2	8.5		8						8	8.1	Tám phẩy Một	
67	142234546	VÕ ĐỖ HỒNG	QUÂN	K14KTR2	8.5		8						7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
68	142234580	LÊ QUỐC	ÂN	K14KTR2	8		7.5						7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
69	142234587	LÊ TRỌNG	LONG	K14KTR2	7.5		7.5						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
70	142234590	DIỆP CÔNG	NO	K14KTR2	8		8						8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
71	142234592	PHẠM NGỌC	QUYẾT	K14KTR2	7.5		7.5						8	7.8	Bảy phẩy Tám	

Thời gian : 27/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
72	142234600	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	K14KTR2	7.5		7.5						8	7.8	Bảy phẩy Tám	
73	142234646	HÀ THỊ TRÀ	MY	K14KTR2	8.5		7.5						7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
74	142234650	TRẦN ĐÌNH	VŨ	K14KTR2	8.5		9						9	8.9	Tám phẩy Chín	
75	142234799	PHAN VĂN	THẮNG	K14KTR2	7.5		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm	
76	122230640	NGUYỄN TÂN	TÀI	K14KTR3	7		7						7	7.0	Bảy	
77	132234812	DƯƠNG THỊ GIANG	CHÂU	K14KTR3	3		3						V	0.0	Không	
78	142231374	PHAN ĐỨC	ANH	K14KTR3	7		6.6						6.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
79	142231380	ĐẶNG HỮU	CUÔNG	K14KTR3	7.5		7.6						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
80	142231382	HUỖNH VĂN	DỰ	K14KTR3	7.5		7.5						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
81	142231387	ĐÌNH ANH	DŨNG	K14KTR3	7		7						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
82	142231394	LÊ NGUYỄN VĂN	HAPPY	K14KTR3	7.2		7.2						7	7.1	Bảy phẩy Một	
83	142231403	TRẦN ĐÌNH VŨ	KHÁNH	K14KTR3	7.5		7.5						7.7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
84	142231410	CAO NGỌC	LONG	K14KTR3	8		7.5						7.6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
85	142231418	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	K14KTR3	7.2		7.5						7.2	7.3	Bảy phẩy Ba	
86	142231426	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	K14KTR3	7		7						7.2	7.1	Bảy phẩy Một	
87	142231428	TRƯƠNG PHÚ	QUÍ	K14KTR3	7		7						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
88	142231430	TRẦN NGỌC	TÀI	K14KTR3	7		7						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
89	142231433	TRẦN PHI	THÀNH	K14KTR3	6.8		7.2						7.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
90	142231443	NGUYỄN VĂN	THƠ	K14KTR3	0		0						HP	0.0	Không	NỢ HP
91	142231445	TRẦN ĐÌNH	TIẾN	K14KTR3	7		7.2						7	7.1	Bảy phẩy Một	
92	142231450	LÊ HOÀNG	TRỌNG	K14KTR3	7.5		8						7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
93	142231456	PHẠM VĂN	TUẤN	K14KTR3	7.6		7.2						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
94	142231458	LÊ CÔNG	TÙNG	K14KTR3	5		6						5.2	5.4	Năm phẩy Bốn	
95	142231461	NGUYỄN THỊ NHẬT	UYÊN	K14KTR3	6.5		7						6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
96	142231462	LƯƠNG HƯNG	VƯƠNG	K14KTR3	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
97	142231467	ĐỖ HOÀNG	VƯƠNG	K14KTR3	6		6						6	6.0	Sáu	
98	142234503	PHAN THÀNH	TRUNG	K14KTR3	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai	
99	142234507	HUỖNH THỊ CẨM	HÀ	K14KTR3	7.5		8						7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
100	142234514	TRẦN VĂN	NHỰT	K14KTR3	3		2						V	0.0	Không	
101	142234517	PHAN HOÀNG	THIỆN	K14KTR3	6		7						7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
102	142234539	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	K14KTR3	8		8						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
103	142234542	NGUYỄN CÔNG	HOAN	K14KTR3	7		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
104	142234543	LÊ THỊ BÍCH	HUỆ	K14KTR3	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
105	142234544	TRẦN DUY	MẠNH	K14KTR3	7		7						7	7.0	Bảy	
106	142234581	ĐẶNG THỊ	ĐÀO	K14KTR3	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
107	142234594	PHẠM THỊ DI	SA	K14KTR3	8		8						9	8.6	Tám phẩy Sáu	

Thời gian : 27/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
108	142234596	PHAN THỊ THU	THẢO	K14KTR3	8		8						8	8.0	Tám	
109	142234643	ĐÌNH NAM	CA	K14KTR3	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
110	142234953	NGUYỄN NAM	PHÁI	K14KTR3	3		2						V	0.0	Không	
111	142234955	NGUYỄN ANH	TUẤN	K14KTR3	7		7						7	7.0	Bảy	
1	0597	PHAN HUY	PHƯỢNG	K11KTR	5		5						5	5.0	Năm	46469
2	0573	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	K12KTR	6		6						6	6.0	Sáu	46489
3	0612	PHẠM ANH	THANH	K12KTR	5		5						5	5.0	Năm	46023
4	0619	NGUYỄN ĐÌNH	NHON	K12KTR	5		6						4	4.8	Bốn phẩy Tám	48283
5	0634	NGUYỄN PHI	QUÝ	K12KTR	4		5						4	4.3	Bốn phẩy Ba	44286
6	0533	VŨ QUANG	HUY	K13KTR	5		5						5	5.0	Năm	47862
7	0536	VÕ CÔNG	ĐỊNH	K13KTR	5		6						5	5.3		22839
8	4802	ĐỖ THÀNH KHẢ	ÂN	K13KTR	4		5						5	4.9	Bốn phẩy Chín	15314/307
9	4806	NGUYỄN THỂ	ANH	K13KTR	5		5						5	5.0	Năm	16797/336
10	4821	TRẦN NGỌC	DÔN	K13KTR	5		5						6	5.6	Năm phẩy Sáu	15546/311
11	4826	NGUYỄN THỂ	DƯỠC	K13KTR	7		7						5	5.9	Năm phẩy Chín	47909
12	4850	DƯƠNG VIỆT	HÙNG	K13KTR	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm	47487
13	4894	NGUYỄN VĂN TIẾN	SỸ	K13KTR	5		6						4	4.8	Bốn phẩy Tám	49151
14	4903	PHẠM CÔNG	THẮNG	K13KTR	5		6						4	4.8	Bốn phẩy Tám	47931
15	4909	NGUYỄN CÔNG	THẢO	K13KTR	5		5						5	5.0	Năm	42832
16	4914	HOÀNG THỊ THANH	TÂM	K13KTR	5		5						5	5.0	Năm	48769
17	4921	HOÀNG ĐỨC	TÌNH	K13KTR	5		6						4	4.8	Bốn phẩy Tám	47330
18	4927	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	K13KTR	5		5						4	4.5	Bốn phẩy Năm	15666/314
19	4930	HOÀNG ANH	TÚ	K13KTR	5		5						6	5.6	Năm phẩy Sáu	15328/307
20	4932	NGUYỄN MINH	TUẤN	K13KTR	5		5						5	5.0	Năm	15346/307

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	116	89%	
2	Số sinh viên nợ	15	11%	
TỔNG CỘNG :		131	100%	

Đà Nẵng, 11/01/2012

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUÛ HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ